

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật số 78/2025/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026;
- Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Quyết định 1199/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2023/BXD;
- Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện KHCN Xây dựng;
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 395/2025VKH ký ngày 11/12/2025 giữa Viện KHCN Xây dựng và Công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt về việc thử nghiệm và đánh giá chứng nhận sản phẩm Gạch gốm ốp lát phù hợp Quy chuẩn số 16:2023/BXD;
- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá của đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật và Giám đốc Phân Viện Miền Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp chứng nhận sản phẩm Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men của Công ty **PANARIAGROUP INDUSTRIE CERAMICHE S.p.A.** sản xuất phù hợp với mục III.1, bảng 1, quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD theo danh mục đính kèm.

Điều 2: Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận 03 năm kể từ ngày ký quyết định. Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các lần Viện Khoa học Công nghệ tiến hành đánh giá giám sát 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm.

Điều 3: Việc sử dụng giấy chứng nhận và dấu hợp quy phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng hoàn toàn không chịu trách nhiệm về việc sử dụng trái với các quy định này.

Điều 4: Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, nếu có bất kỳ thay đổi nào về thiết kế sản phẩm, nhà sản xuất hay những thay đổi khác ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm so với đăng ký ban đầu, Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Viện Khoa học Công nghệ xây dựng để có đánh giá bổ sung theo quy định.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ áp dụng cho mặt hàng gạch gốm ốp lát ép bán khô có men như danh mục nêu tại phụ lục đính kèm, do Công ty **PANARIAGROUP INDUSTRIE CERAMICHE S.p.A.** sản xuất và công ty **Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt** nhập khẩu, sử dụng nhãn hiệu đã đăng ký (nêu tại phụ lục đính kèm).

Điều 6: Công ty **PANARIAGROUP INDUSTRIE CERAMICHE S.p.A.**, công ty **Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt** và các Ông, Bà Trưởng phòng KHKT, TCKT và Giám đốc Phân Viện miền Nam chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (03 bản);
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHKT, PVMN./.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 395-9/2025/QĐ-VKH NGÀY 01/06/2026

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/ <i>Brand</i> ⁽¹⁾	Mã HS <i>HS code</i> ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	2780x1200x6		69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1800x900x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	900x900x9		69072193

Ghi chú: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng





PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 395-9/2025/QĐ-VKH NGÀY 01/06/2026

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	<i>Mã/code</i> ⁽¹⁾										
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm Bla	2780x1200x6	Nhóm 2: <table><tr><td>NOB ONYX OYST TCH</td><td>NOB CAL PREST TCH</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>NOB CAL ORO LEV</td><td>NOB CAL PREST LEV</td></tr></table>		NOB ONYX OYST TCH	NOB CAL PREST TCH	NOB CAL ORO LEV	NOB CAL PREST LEV					
NOB ONYX OYST TCH	NOB CAL PREST TCH												
NOB CAL ORO LEV	NOB CAL PREST LEV												
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm Bla	1200x600x9	Nhóm 3: <table><tr><td>INTENSE CLAIR NAT RT</td><td>INTENSE TOFFEE NAT RT</td></tr><tr><td>INTENSE CRETE NAT RT</td><td>PULSE SHADOW NAT</td></tr><tr><td>INTENSE PERLE NAT RT</td><td>PULSE SHELL NAT</td></tr><tr><td>INTENSE BEIGE NAT RT</td><td></td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>NOB CAL PRESTIGE LEV</td></tr></table>		INTENSE CLAIR NAT RT	INTENSE TOFFEE NAT RT	INTENSE CRETE NAT RT	PULSE SHADOW NAT	INTENSE PERLE NAT RT	PULSE SHELL NAT	INTENSE BEIGE NAT RT		NOB CAL PRESTIGE LEV
INTENSE CLAIR NAT RT	INTENSE TOFFEE NAT RT												
INTENSE CRETE NAT RT	PULSE SHADOW NAT												
INTENSE PERLE NAT RT	PULSE SHELL NAT												
INTENSE BEIGE NAT RT													
NOB CAL PRESTIGE LEV													
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm Bla	1800x900x9	Nhóm 3: <table><tr><td>INTENSE PERLE NAT RT</td><td>INTENSE CRETE NAT RT</td></tr><tr><td colspan="2">INTENSE CLAIR NAT RT</td></tr></table>		INTENSE PERLE NAT RT	INTENSE CRETE NAT RT	INTENSE CLAIR NAT RT						
INTENSE PERLE NAT RT	INTENSE CRETE NAT RT												
INTENSE CLAIR NAT RT													
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm Bla	900x900x9	Nhóm 1: <table><tr><td>INTENSE PERLE LPP RT</td><td>INTENSE CRETE LPP RT</td></tr></table>		INTENSE PERLE LPP RT	INTENSE CRETE LPP RT							
INTENSE PERLE LPP RT	INTENSE CRETE LPP RT												

Ghi chú: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng

JH





BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197

Website: www.ibst.vn - Email: vkcnxd@fpt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY **CERTIFICATE OF CONFORMITY**



Số/No: 395-9/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: PANARIAGROUP INDUSTRIE CERAMICHE S.p.A.

Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: IT-41034 FINALE EMILIA (MO) - VIA PANARIA BASSA 22/A

Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ Conforms to:

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5

Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

từ ngày 01 tháng 06 năm 2026 đến ngày 31 tháng 05 năm 2029/ from June 1st 2026 to May 31st 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 1st 2026

KT.VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

On behalf of Director of Institute
Vice Director



Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC
INDEX

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-9/2025VKH, ban hành ngày 01/06/2026
(Attached to Certificate No. 395-9/2025VKH, dated 01/06/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/ <i>Brand</i> ⁽¹⁾	Mã HS <i>HS code</i> ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	2780x1200x6	LEA CERAMICHE	69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1200x600x9		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	1800x900x9		69072193
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group BIa</i>	900x900x9		69072193

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-9/2025VKH, ban hành ngày 01/06/2026
(Attached to Certificate No. 395-9/2025VKH, dated 01/06/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾									
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	2780x1200x6	Nhóm 2: <table><tr><td>NOB ONYX OYST TCH</td><td>NOB CAL PREST TCH</td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>NOB CAL ORO LEV</td><td>NOB CAL PREST LEV</td></tr></table>	NOB ONYX OYST TCH	NOB CAL PREST TCH	NOB CAL ORO LEV	NOB CAL PREST LEV					
NOB ONYX OYST TCH	NOB CAL PREST TCH											
NOB CAL ORO LEV	NOB CAL PREST LEV											
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1200x600x9	Nhóm 3: <table><tr><td>INTENSE CLAIR NAT RT</td><td>INTENSE TOFFEE NAT RT</td></tr><tr><td>INTENSE CRETE NAT RT</td><td>PULSE SHADOW NAT</td></tr><tr><td>INTENSE PERLE NAT RT</td><td>PULSE SHELL NAT</td></tr><tr><td>INTENSE BEIGE NAT RT</td><td></td></tr></table> Nhóm 4: <table><tr><td>NOB CAL PRESTIGE LEV</td></tr></table>	INTENSE CLAIR NAT RT	INTENSE TOFFEE NAT RT	INTENSE CRETE NAT RT	PULSE SHADOW NAT	INTENSE PERLE NAT RT	PULSE SHELL NAT	INTENSE BEIGE NAT RT		NOB CAL PRESTIGE LEV
INTENSE CLAIR NAT RT	INTENSE TOFFEE NAT RT											
INTENSE CRETE NAT RT	PULSE SHADOW NAT											
INTENSE PERLE NAT RT	PULSE SHELL NAT											
INTENSE BEIGE NAT RT												
NOB CAL PRESTIGE LEV												
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	1800x900x9	Nhóm 3: <table><tr><td>INTENSE PERLE NAT RT</td><td>INTENSE CRETE NAT RT</td></tr><tr><td colspan="2">INTENSE CLAIR NAT RT</td></tr></table>	INTENSE PERLE NAT RT	INTENSE CRETE NAT RT	INTENSE CLAIR NAT RT						
INTENSE PERLE NAT RT	INTENSE CRETE NAT RT											
INTENSE CLAIR NAT RT												
4.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a	900x900x9	Nhóm 1: <table><tr><td>INTENSE PERLE LPP RT</td><td>INTENSE CRETE LPP RT</td></tr></table>	INTENSE PERLE LPP RT	INTENSE CRETE LPP RT							
INTENSE PERLE LPP RT	INTENSE CRETE LPP RT											

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

**BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHCN XÂY DỰNG**

Số: 395-9/2025/VKH-PVMN

V/v: Thông báo KQTN của hồ sơ
CNHQ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 395/2025VKH ký ngày 11/12/2025 giữa Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng với quý Công ty về việc đánh giá chứng nhận sản phẩm gạch gốm ốp lát phù hợp Quy chuẩn số QCVN 16:2023/BXD và giấy đăng ký đánh giá chứng nhận số 395-7/2025VKH ngày 11/12/2025;

Căn cứ Quyết định chứng nhận sản phẩm số 395-9/2025/QĐ-VKH, ký ngày 01 tháng 06 năm 2026 của Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng về cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn số 395-9/2025VKH ngày 01/06/2026

Căn cứ vào kết quả thử nghiệm mẫu điển hình hồ sơ chứng nhận hợp quy có thông tin như sau:

- Số hợp đồng: 395/2025VKH;
- Giấy chứng nhận số: 395-9/2025VKH ngày 01/06/2026;
- Ngày đăng ký: 11/12/2025;
- Nhà máy sản xuất: PANARIAGROUP INDUSTRIE CERAMICHE S.p.A.
- Địa chỉ địa điểm sản xuất và đánh giá: IT-41034 FINALE EMILIA (MO) - VIA PANARIA BASSA 22/A
- Thời gian nhận mẫu, thử nghiệm, xem xét hồ sơ: 04/05/2026-31/05/2026;

Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng thông báo kết quả thử nghiệm các mẫu điển hình theo giấy chứng nhận nêu trên tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu KHK, VT, PVMN.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Đinh Quốc Dân



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số 395-9/VKH-PVMN ngày 01/06/2026)

Mẫu 1: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa quy cách (2780x1200x6) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm									Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá	
1. Độ hút nước (E)	%											Đạt	
Độ hút nước từng viên		0,09	0,08	0,08	0,09	0,09	0,09	0,09	0,11	0,10	0,09	$E \leq 0,5$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,09									$E \leq 0,6$		
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm		5,7	5,7	5,6	5,6	5,6	5,7	5,6					
Lực uốn gãy, N		1.217	1.240	1.186	1.278	1.223	1.181	1.254					
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²		56,2	57,3	56,7	61,1	58,5	54,5	60,0	≥ 32	Đạt			
Độ bền uốn trung bình		57,8							≥ 35	Đạt			
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		2				4							
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	450				450							
Cấp		I				I				I, II, III, IV	Đạt		
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ °C ⁻¹	3,0				3,0				≤ 9	Đạt		
	Trung bình	3,0											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-					N/A	-	
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A – không áp dụng

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo công văn số 395-9/VKH-PVMN ngày 01/06/2026)

Mẫu 2: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIIa quy cách (1200x600x9) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm BIIa)	Đánh giá	
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt	
Độ hút nước từng viên		0,05	0,04	0,04	0,05	0,05	0,05	0,05	0,04	0,04	0,05	$E \leq 0,5$		
Độ hút nước trung bình (E)		0,05										$E \leq 0,6$		
2. Độ bền uốn	MPa													
Chiều dày, mm		8,8	8,8	8,9	8,8	8,7	8,7	8,8						
Lực uốn gãy, N		3.021	3.160	3.100	3.237	3.057	3.162	3.039						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²		58,5	61,2	58,7	62,7	60,6	62,7	58,9					≥ 32	Đạt
Độ bền uốn trung bình		60,5										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt														
Nhóm		3					4							
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	750					450							
Cấp		III					I					I, II, III, IV	Đạt	
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ ×°C ⁻¹	2,9					2,8					≤ 9	Đạt	
	Trung bình	2,9												
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-						N/A	-	
	Trung bình	-												

Ghi chú: N/A-không áp dụng

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo công văn số 395-9/VKH-PVMN ngày 01/06/2026)

Mẫu 3: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, quy cách (1800x900x9) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm BIa)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,06	0,06	0,07	0,06	0,06	0,06	0,05	0,05	0,05	0,06	$E \leq 0,5$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,06										$E \leq 0,6$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm		8,8	8,8	8,7	8,7	8,8	8,7	8,8					
Lực uốn gãy, N		3.196	3.251	3.121	3.203	3.271	3.263	3.309					
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²		61,9	63,0	61,9	63,5	63,4	64,7	64,1	≥ 32				Đạt
Độ bền uốn trung bình		63,2										≥ 35	Đạt
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		3											
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	750											
Cấp		III										I, II, III, IV	Đạt
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ x ⁰ C ⁻¹	2,5					2,6					≤ 9	Đạt
	Trung bình	2,6											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-						N/A	-
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo công văn số 395-9/VKH-PVMN ngày 01/06/2026)

Mẫu 4: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa, quy cách (900x900x9) mm

Mẫu 1: Gạch gốm ốp lát có bề mặt nhẵn, nhóm B1a, quy cách (200x200) mm													
Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm									Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá	
1. Độ hút nước (E)	%											Đạt	
Độ hút nước từng viên		0,09	0,09	0,08	0,09	0,08	0,8	0,08	0,08	0,08	0,08	$E \leq 0,5$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,08									$E \leq 0,6$		
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm		8,8	8,8	8,7	8,8	8,7	8,7	8,8					
Lực uốn gãy, N		3.165	3.130	3.221	3.012	3.073	3.019	3.068					
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²		61,3	60,6	63,8	58,3	60,9	59,8	59,4	≥ 32				Đạt
Độ bền uốn trung bình		60,6									≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		1											
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	750											
Cấp		III									I, II, III, IV	Đạt	
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ °C ⁻¹	2,6					2,6				≤ 9	Đạt	
	Trung bình	2,6											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-					N/A	-	
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng